



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ  
THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN NAM**

**Báo cáo tài chính**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 34



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

### Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0309902130 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/04/2010. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 7 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 09/02/2015. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các qui định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ: 44.050.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2015 của Công ty là 44.050.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm 53,12% vốn điều lệ.

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SMN theo Quyết định số 219/QĐ-SGDHN ngày 20/04/2015. Ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu SMN là ngày 14/07/2015.

### Trụ sở chính

- Địa chỉ: 231 Nguyễn Văn Cừ, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (08) 38300312- 38358423
- Fax: (08) 38351488- 38390727
- Website: www.sobee.com.vn

### Ngành nghề kinh doanh chính

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí (có nội dung được phép lưu hành); văn phòng phẩm. Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất trong tự;
- In ấn (không hoạt động tại trụ sở);
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ sách, báo, tạp chí (có nội dung được phép lưu hành), văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất trong tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất trong tự trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính). Chi tiết: Sản xuất đồ dùng dạy học, trang thiết bị trường học (không sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (không sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất đồ chơi, trò chơi (không hoạt động tại trụ sở);

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý, môi giới (trừ môi giới bất động sản), đấu giá;
- Hoàn thiện công trình xây dựng; Xây dựng nhà các loại;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Biên tập, biên soạn sách, dịch thuật (trừ xuất bản sách).

### *Nhân sự*

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 70 người. Trong đó nhân viên quản lý là 8 người. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

### *Hội đồng quản trị*

- |                      |            |  |
|----------------------|------------|--|
| • Ông Phạm Văn Hồng  | Chủ tịch   | Bổ nhiệm ngày 15/01/2015                               |
| • Ông Xà Thiệu Hoàng | Chủ tịch   | Bổ nhiệm ngày 21/04/2014<br>Miễn nhiệm ngày 15/01/2015 |
| • Ông Vũ Bùi Biên    | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 15/01/2015                               |
| • Bà Nguyễn Thị Thu  | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 22/04/2010<br>Miễn nhiệm ngày 15/01/2015 |
| • Bà Đỗ Thị Mai Anh  | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 15/01/2015                           |
| • Ông Đỗ Thành Lâm   | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 15/01/2015                               |
| • Bà Nguyễn Mai Hoa  | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 15/01/2015                           |

### *Ban Kiểm soát*

- |                      |            |                              |
|----------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Trần Lê Quang  | Trưởng ban | Bổ nhiệm lại ngày 15/01/2015 |
| • Bà Dương Vân Nhung | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 15/01/2015     |
| • Ông Hồ Anh Tuấn    | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 15/01/2015 |

### *Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng*

- |                           |                   |  |
|---------------------------|-------------------|--|
| • Bà Đỗ Thị Mai Anh       | Tổng Giám đốc     | Bổ nhiệm ngày 01/02/2015                               |
| • Ông Vũ Bá Hòa           | Tổng Giám đốc     | Bổ nhiệm ngày 01/07/2012<br>Miễn nhiệm ngày 01/02/2015 |
| • Ông Nguyễn Trường Quang | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 01/02/2015                           |
| • Bà Nguyễn Thị Thu       | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 01/02/2015                           |
| • Bà Nguyễn Mai Hoa       | Kế toán trưởng    | Bổ nhiệm lại ngày 01/02/2015                           |



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2015 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Đỗ Thị Mai Anh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 02 năm 2016



# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính  
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng  
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887  
Email: aac@dng.vnn.vn  
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh  
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)  
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh  
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349  
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 102/2016/BCKT-AAC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 15/02/2016, từ trang 5 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.


Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

  
Trần Thị Phương Lan – Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0396-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 23 tháng 02 năm 2016

  
Đinh Thị Ngọc Thùy – Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1463-2013-010-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B 01 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>48.753.398.366</b>	<b>49.549.972.946</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>19.622.914.699</b>	<b>4.360.629.326</b>
1. Tiền	111	5	19.622.914.699	4.360.629.326
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>13.222.635.727</b>	<b>23.234.482.163</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	12.513.582.492	11.011.137.575
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		49.806.830	22.368.954
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	1.000.000.000	12.173.452.921
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8.a	444.433.213	826.270.786
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(785.186.808)	(798.748.073)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>15.495.221.556</b>	<b>21.766.944.876</b>
1. Hàng tồn kho	141		16.444.994.014	21.967.996.846
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(949.772.458)	(201.051.970)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>412.626.384</b>	<b>187.916.581</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11. a	212.354.328	187.916.581
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	200.272.056	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>32.950.506.970</b>	<b>20.889.910.832</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>16.609.913.266</b>	<b>16.973.839.440</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	8.b	16.609.913.266	16.973.839.440
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>12.670.603.636</b>	<b>562.369.319</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	342.553.636	562.369.319
- Nguyên giá	222		2.911.697.396	2.828.662.396
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.569.143.760)	(2.266.293.077)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	12.328.050.000	-
- Nguyên giá	228		12.362.050.000	34.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(34.000.000)	(34.000.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>3.329.000.000</b>	<b>3.329.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	14	3.329.000.000	3.329.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>340.990.068</b>	<b>24.702.073</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11.b	340.990.068	24.702.073
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>81.703.905.336</b>	<b>70.439.883.778</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>25.983.615.921</b>	<b>15.572.420.435</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>25.983.615.921</b>	<b>15.572.420.435</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	21.005.948.390	9.941.821.513
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	2.109.402.613	264.123.563
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	157.408.153	707.114.046
4. Phải trả người lao động	314		310.849.642	969.738.368
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	1.349.343.121	1.920.684.992
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	841.234.449	610.426.245
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	1.000.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		209.429.553	158.511.708
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>55.720.289.415</b>	<b>54.867.463.343</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>55.720.289.415</b>	<b>54.867.463.343</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	20	44.050.000.000	44.050.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		44.050.000.000	44.050.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	415	20	(200.000.000)	(200.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	20	7.049.938.854	5.320.112.782
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20	4.820.350.561	5.697.350.561
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	20	435.350.561	676.835.401
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	20	4.385.000.000	5.020.515.160
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>81.703.905.336</b>	<b>70.439.883.778</b>



Đỗ Thị Mai Anh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2016

Kế toán trưởng

Nguyễn Mai Hoa

Người lập biểu

Nguyễn Thanh Hữu



**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mẫu số B 02 - DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	21	327.721.485.594	314.041.485.029
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	1.137.089.998	867.764.639
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		326.584.395.596	313.173.720.390
4. Giá vốn hàng bán	11	23	291.092.807.932	280.765.994.739
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<b>35.491.587.664</b>	<b>32.407.725.651</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	2.002.673.929	2.510.443.982
7. Chi phí tài chính	22	25	929.809.634	688.248.586
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		344.805.022	2.133.333
8. Chi phí bán hàng	25	26.a	15.356.536.481	14.481.001.903
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26.b	12.968.272.356	13.034.924.539
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<b>8.239.643.122</b>	<b>6.713.994.605</b>
11. Thu nhập khác	31	27	1.192.173.069	2.457.923.563
12. Chi phí khác	32	28	208.127.611	433.134.156
13. Lợi nhuận khác	40		<b>984.045.458</b>	<b>2.024.789.407</b>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<b>9.223.688.580</b>	<b>8.738.784.012</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	2.029.775.554	2.075.106.210
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<b>7.193.913.026</b>	<b>6.663.677.802</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	1.394	1.293
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	30	1.394	1.293



Tổng Giám đốc  
Đỗ Thị Mai Anh

Kế toán trưởng

Nguyễn Mai Hoa

Người lập biểu

Nguyễn Thanh Hữu

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2016

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mẫu số B 03 - DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		335.715.189.423	309.786.053.132
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(297.227.259.455)	(279.608.664.923)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(12.061.544.991)	(10.607.411.355)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	26	344.805.022	(2.133.333)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	17	(2.383.984.735)	(1.861.608.086)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.580.264.464	882.478.545
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(5.208.226.205)	(4.604.719.835)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>20.759.243.523</b>	<b>13.983.994.145</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	12;13	(12.411.085.000)	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	7	(11.000.000.000)	(16.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	7	22.173.452.921	4.356.547.079
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(1.700.000.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	500.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8;24	2.002.673.929	1.358.447.938
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>765.041.850</b>	<b>(11.485.004.983)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	(200.000.000)
2. Tiền thu từ đi vay	33		13.485.000.000	1.300.000.000
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(14.485.000.000)	(300.000.000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	20d	(5.262.000.000)	(1.954.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(6.262.000.000)</b>	<b>(1.154.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>15.262.285.373</b>	<b>1.344.989.162</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	4.360.629.326	3.015.640.164
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>19.622.914.699</b>	<b>4.360.629.326</b>



**Tổng Giám đốc**  
Đỗ Thị Mai Anh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2016

**Kế toán trưởng**

Nguyễn Mai Hoa

**Người lập biểu**

Nguyễn Thanh Hữu



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành  
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

### 1. Đặc điểm hoạt động

#### 1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0309902130 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/04/2010. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 7 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần thay đổi gần nhất vào ngày 09/02/2015. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các qui định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ: 44.050.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2015 của Công ty là 44.050.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm 53,12% vốn điều lệ.

#### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh Sách và Thiết bị giáo dục.

#### 1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí (có nội dung được phép lưu hành); văn phòng phẩm. Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;
- In ấn (không hoạt động tại trụ sở);
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ sách, báo, tạp chí (có nội dung được phép lưu hành), văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính). Chi tiết: Sản xuất đồ dùng dạy học, trang thiết bị trường học (không sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (không sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất đồ chơi, trò chơi (không hoạt động tại trụ sở);
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý, môi giới (trừ môi giới bất động sản), đấu giá;
- Hoàn thiện công trình xây dựng; Xây dựng nhà các loại;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Biên tập, biên soạn sách, dịch thuật (trừ xuất bản sách).

#### 1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2015, Công ty có các công ty liên kết như sau:

- Công ty CP Sách TBTH Bà Rịa Vũng Tàu
- Công ty CP Sách TBGD Bình Dương

### 2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

### 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

### 4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

#### 4.1 Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán áp dụng

Ngày 22/12/2014 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực từ năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015. Theo hướng dẫn của Thông tư 200, ảnh hưởng do thay đổi các chính sách kế toán được Công ty áp dụng phi hồi tố.

Ngoài ra, một số chỉ tiêu tương ứng của kỳ trước đã được phân loại lại (xem Thuyết minh số 64) nhằm đảm bảo tính chất so sánh với các số liệu kỳ này, phù hợp với quy định về lập Báo cáo tài chính tại Thông tư 200

#### 4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 4.3 Các khoản đầu tư tài chính

##### Các khoản cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối niên độ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### *Đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác*

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của công ty liên kết nhưng không phải kiểm soát hoặc đồng kiểm soát các chính sách này. Mối quan hệ là công ty liên kết thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Thời điểm ghi nhận ban đầu đối với các khoản đầu tư là thời điểm Công ty chính thức có quyền sở hữu. Cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0)
- Chứng khoán chưa niêm yết, các khoản đầu tư dưới hình thức khác được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

### *Dự phòng*

Dự phòng đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết được lập nếu các khoản đầu tư này bị suy giảm giá trị hoặc bị lỗ dẫn đến khả năng mất vốn của Công ty. Riêng khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu.
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

### **4.4 Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua.
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối niên độ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

Các khoản nợ phải thu được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Các khoản nợ phải thu là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua tại thời điểm cuối năm của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên giao dịch.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

### 4.6 Tài sản cố định hữu hình

#### Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

#### Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được xác định căn cứ vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Máy móc thiết bị	2
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị dụng cụ quản lý	3

### 4.7 Tài sản cố định vô hình

#### Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Công ty.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Trang Web công ty	4

### 4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty :

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 năm đến 3 năm.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

### 4.9 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty.
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

### 4.10 Vay và các khoản nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong năm phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong năm tài chính được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

### **4.11 Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa. Các khoản chi phí phải trả chủ yếu của Công ty gồm:

- Chiết khấu thanh toán nhanh phải trả: chi phí phải trả được xác định theo số tiền khách hàng trả trước tiền hàng nhân cho số ngày trả trước và lãi suất quy định.
- Chi phí nhuận bút: được xác định theo tỷ lệ nhuận bút thỏa thuận và phí giao thầu cho từng bộ sách, trong đó tỷ lệ thỏa thuận được quy định trong Hợp đồng hoặc Biên bản thỏa thuận giữa các công ty sách.
- Chi phí khác: được xác định dựa trên giá trị Hợp đồng đã ký với nhà cung cấp.

### **4.12 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### ***Cổ phiếu quỹ.***

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

#### ***Thặng dư vốn cổ phần.***

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cầu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

#### ***Quyền chọn trái phiếu chuyển đổi.***

Quyền chọn trái phiếu chuyển đổi được xác định là phần chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ đợt phát hành trái phiếu chuyển đổi và giá trị cầu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi chưa đến hạn.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 4.13 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc niên độ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế

### 4.14 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

### 4.15 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

### 4.16 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, chiết khấu thanh toán cho người mua, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

### 4.17 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận trong năm là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận là các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

### 4.18 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

### 4.19 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế; Thiết bị văn phòng, từ điển áp dụng mức thuế suất 5%; Các mặt hàng khác như tem, nhãn, mẫu biểu, thiết bị... áp dụng mức thuế suất 10%.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22%
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

### 4.20 Công cụ tài chính

#### Ghi nhận ban đầu

##### Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản đầu tư tài chính, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

##### Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

#### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 4.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 5. Tiền

Đơn vị tính: VND

	31/12/2015	01/01/2015
Tiền mặt	717.627.320	238.906.934
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	18.905.287.379	4.121.722.392
<b>Cộng</b>	<b>19.622.914.699</b>	<b>4.360.629.326</b>

### 6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2015	01/01/2015
Công ty CP Sách và TBGD Bình Dương	2.209.232.944	419.568.154
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	1.592.036.059	83.701.363
Các đối tượng khác	8.712.313.489	10.507.868.058
<b>Cộng</b>	<b>12.513.582.492</b>	<b>11.011.137.575</b>

#### Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2015	01/01/2015
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	1.592.036.059	83.701.363
Công ty CP Sách và TBGD Bình Dương	2.209.232.944	419.568.154
Các đối tượng liên quan khác	592.926.072	753.011.556
<b>Cộng</b>	<b>4.394.195.075</b>	<b>1.256.281.073</b>

### 7. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Ông Đỗ Thành Lâm	-	30.000.000
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	-	12.143.452.921
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Hà Nội	1.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>12.173.452.921</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trong đó phải thu về cho vay là các bên liên quan

	31/12/2015	01/01/2015
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Hà Nội (*)	1.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>-</b>

(\*) Cho Công ty CP Dịch vụ xuất bản Hà Nội vay theo Hợp đồng số 01/HĐVV ngày 20/01/2015, thời hạn cho vay là 12 tháng kể từ ngày ký, lãi suất: 8%/năm.

### 8. Phải thu khác

#### a. Ngắn hạn

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	-	-	2.433.334	-
Phải thu Bảo hiểm xã hội	18.620.359	-	36.368.921	-
Phải thu người lao động thuế TNCN	423.612.781	-	741.540.013	-
Ký cược, ký quỹ	73	-	658.518	-
Tạm ứng	-	-	20.000.000	-
Phải thu khác	2.200.000	-	25.270.000	-
<b>Cộng</b>	<b>444.433.213</b>	<b>-</b>	<b>826.270.786</b>	<b>-</b>

#### b. Dài hạn

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	95.000.000	-	90.000.000	-
NXBGD Việt Nam	16.514.913.266	-	16.883.839.440	-
- Dự án Mai Thị Lựu (i)	14.814.913.266	-	15.183.839.440	-
- Quỹ đầu tư xuất bản (ii)	1.700.000.000	-	1.700.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>16.609.913.266</b>	<b>-</b>	<b>16.973.839.440</b>	<b>-</b>

(i) Là khoản góp vốn với Nhà Xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh để xây dựng Cao ốc văn phòng tại 104 Mai Thị Lựu, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh ba bên số 108HĐ/2011 ngày 01/04/2011 và các phụ lục điều chỉnh. Tổng số vốn góp là 50 tỷ đồng, trong đó Công ty góp 15 tỷ đồng. Ngày 01/07/2014, các bên đã thống nhất ký Phụ lục hợp đồng số 01 giao cho Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam thực hiện dự án thay thế



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

cho chủ thể cũ là Nhà xuất bản Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh. Đến nay, đã có báo cáo kiểm toán dự án hoàn thành với tổng giá trị quyết toán công trình 49.383.044.219 đồng, trong đó giá trị góp của Công ty là 14.814.913.266 đồng (trương ứng tỷ lệ 30%).

- (ii) Là khoản tiền mà Công ty đã tham gia vào Quỹ đầu tư xuất bản của Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam để đầu tư cho hoạt động xuất bản Sách giáo khoa và Sách bổ trợ. Theo Hợp đồng nguyên tắc hợp tác đầu tư số 06-MN/2013/ĐTXB ngày 25/11/2013, thời gian hợp tác đầu tư là 5 năm kể từ ngày 25/11/2013 và thời hạn trên có thể được kéo dài theo thỏa thuận của 2 bên.

### 9. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2015	01/01/2015
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán	785.186.808	798.748.073
- Từ 3 năm trở lên	737.500.193	781.885.017
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	-	8.694.085
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	5.152.225	8.168.971
- Trên 6 tháng đến dưới 1 năm	42.534.390	-
<b>Cộng</b>	<b>785.186.808</b>	<b>798.748.073</b>

### 10. Hàng tồn kho

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.202.137.467	-	1.075.860.122	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	3.390.000	-
Chi phí SX, KD dở dang	1.644.838.710	-	1.292.374.251	-
Thành phẩm	3.469.571.481	-	4.510.684.442	-
Hàng hóa	8.970.775.537	949.772.458	15.021.289.433	201.051.970
Hàng gửi bán	157.670.819	-	64.398.598	-
<b>Cộng</b>	<b>16.444.994.014</b>	<b>949.772.458</b>	<b>21.967.996.846</b>	<b>201.051.970</b>

Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2015.

### 11. Chi phí trả trước

#### a. Ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Thuế GTGT đầu vào của hàng tồn kho chờ phân bổ	128.878.442	133.982.828
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	83.475.886	53.933.753
<b>Cộng</b>	<b>212.354.328</b>	<b>187.916.581</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### b. Dài hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	340.990.068	24.702.073
<b>Cộng</b>	<b>340.990.068</b>	<b>24.702.073</b>

### 12. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	291.519.000	2.124.700.182	412.443.214	2.828.662.396
Mua sắm trong năm	-	-	83.035.000	83.035.000
Giảm trong năm	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>291.519.000</b>	<b>2.124.700.182</b>	<b>495.478.214</b>	<b>2.911.697.396</b>
<b>Khấu hao</b>				
Số đầu năm	290.537.926	1.574.811.936	400.943.215	2.266.293.077
Khấu hao trong năm	981.074	283.450.031	18.419.578	302.850.683
<b>Số cuối năm</b>	<b>291.519.000</b>	<b>1.858.261.967</b>	<b>419.362.793</b>	<b>2.569.143.760</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	981.074	549.888.246	11.499.999	562.369.319
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>266.438.215</b>	<b>76.115.421</b>	<b>342.553.636</b>

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là 1.127.962.214 đồng.

Không có TSCĐ hữu hình nào đang cầm cố, thế chấp để đảm bảo các khoản nợ phải trả tại ngày 31/12/2015.

10/03/15 H VÀ 10/1



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 13. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*)	Trang web công ty	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	-	34.000.000	34.000.000
Mua trong năm	12.328.050.000	-	12.328.050.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>12.328.050.000</b>	<b>34.000.000</b>	<b>12.362.050.000</b>
<b>Khấu hao</b>			
Số đầu năm	-	34.000.000	34.000.000
Khấu hao trong năm	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>34.000.000</b>	<b>34.000.000</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>12.328.050.000</b>	<b>-</b>	<b>12.328.050.000</b>

(\*) Là Quyền sử dụng đất lâu dài tại thửa đất số 457, Xã Bình Hưng, Huyện Bình Chánh, TP Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất ngày 04/08/2015.

Không có TSCĐ vô hình nào đang cầm cố, thế chấp để đảm bảo các khoản nợ phải trả tại ngày 31/12/2015.

12/12/15  
H  
K  
15/11

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 14. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Tình hình hoạt động	Số lượng Cổ Phần	Tỷ lệ quyền biểu quyết	31/12/2015			01/01/2015		
				Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết									
- Công ty CP Sách TBGD Bình Dương	Đang hoạt động	210.000	35%	1.229.000.000	-	-	1.229.000.000	-	
- Công ty CP Sách TBTH Bà Rịa Vũng Tàu	Đang hoạt động	122.900	21%	2.100.000.000	-	-	2.100.000.000	-	
<b>Cộng</b>				<b>3.329.000.000</b>			<b>3.329.000.000</b>		

Báo cáo tài chính (trước kiểm toán) của các Công ty nhận đầu tư có lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn. Do đó, các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, không trích lập dự phòng.

10/1/2016



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 15. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Nhà xuất bản Giáo dục tại Tp.Hồ Chí Minh	12.829.752.760	2.405.840.751
Các đối tượng khác	8.176.195.630	7.535.980.762
<b>Cộng</b>	<b>21.005.948.390</b>	<b>9.941.821.513</b>

### Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2015	01/01/2015
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	12.829.752.760	2.405.840.751
Công ty CP Sách và TBTH TP. Hồ Chí Minh	1.444.320.222	2.740.666.394
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	318.601.762	-
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	1.877.686.881	211.078.480
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục Hà Nội	1.360.153.340	596.102.340
Công ty CP Dịch vụ XB Giáo dục Hà Nội	1.525.845.008	482.636.466
Các đối tượng liên quan khác	573.744.557	898.366.194
<b>Cộng</b>	<b>19.930.104.530</b>	<b>7.334.690.625</b>

### 16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Trường học Đồng Nai	1.520.818.545	-
Công ty CP Sách - Thiết bị Trường học Bà Rịa - Vũng Tàu	425.435.115	-
Các đối tượng khác	163.148.953	264.123.563
<b>Cộng</b>	<b>2.109.402.613</b>	<b>264.123.563</b>

### Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2015	01/01/2015
Công ty CP Sách - Thiết bị Trường học Bà Rịa - Vũng Tàu	425.435.115	-
<b>Cộng</b>	<b>425.435.115</b>	<b>-</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	193.153.467	200.288.336	277.208.903	116.232.900
Thuế thu nhập doanh nghiệp	395.384.434	2.029.775.554	2.383.984.735	41.175.253
Thuế thu nhập cá nhân	118.576.145	607.726.191	926.574.392	(200.272.056)
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>707.114.046</b>	<b>2.840.790.081</b>	<b>3.590.768.030</b>	<b>(42.863.903)</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

### 18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Chiết khấu thanh toán nhanh	-	309.741.413
Chi phí nhuận bút tác giả	1.299.343.121	1.560.943.579
Chi phí khác	50.000.000	50.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.349.343.121</b>	<b>1.920.684.992</b>

### 19. Phải trả khác ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	29.441.312
Kinh phí công đoàn	-	121.155.724
Hoa hồng môi giới	517.359.702	431.045.419
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	20.000.000	20.000.000
Chi phí vận chuyển	244.681.000	-
Phải trả khác	59.193.747	8.783.790
<b>Cộng</b>	<b>841.234.449</b>	<b>610.426.245</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 20. Vốn chủ sở hữu

#### a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2014	44.050.000.000	-	1.400.341.101	2.983.533.229	955.808.797
Tăng trong năm	-	(200.000.000)	468.119.226	468.119.226	6.663.677.802
Giảm trong năm	-	-	-	-	1.922.136.038
Số dư tại 31/12/2014	<u>44.050.000.000</u>	<u>(200.000.000)</u>	<u>1.868.460.327</u>	<u>3.451.652.455</u>	<u>5.697.350.561</u>
Chuyển số dư (*)			(1.868.460.327)	1.868.460.327	
Số dư tại 01/01/2015	44.050.000.000	(200.000.000)	-	5.320.112.782	5.697.350.561
Tăng trong năm	-	-	-	1.729.826.072	7.193.913.026
Giảm trong năm	-	-	-	-	8.070.913.026
Số dư tại 31/12/2015	<u>44.050.000.000</u>	<u>(200.000.000)</u>	<u>-</u>	<u>7.049.938.854</u>	<u>4.820.350.561</u>

(\*) Chuyển số dư quỹ dự phòng tài chính sang quỹ đầu tư phát triển theo quy định của thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

#### b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2015	01/01/2015
Vốn góp của Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	23.400.000.000	23.400.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	20.450.000.000	20.450.000.000
Mệnh giá cổ phiếu quỹ	200.000.000	200.000.000
<b>Cộng</b>	<u><b>44.050.000.000</b></u>	<u><b>44.050.000.000</b></u>

#### c. Cổ phiếu

	31/12/2015 Cổ phiếu	01/01/2015 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.405.000	4.405.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.405.000	4.405.000
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	20.000	20.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	20.000	20.000
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.385.000	4.385.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.385.000	4.385.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2015	Năm 2014
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	5.697.350.561	955.808.797
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm này	7.193.913.026	6.663.677.802
Phân phối lợi nhuận	8.070.913.026	1.922.136.038
- Phân phối lợi nhuận năm trước (*)	5.262.000.000	278.973.396
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	139.486.698
+ Trích quỹ dự phòng tài chính	-	139.486.698
+ Trả cổ tức cho các cổ đông	5.262.000.000	-
- Tạm phân phối lợi nhuận năm nay (**)	2.808.913.026	1.643.162.642
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	1.729.826.072	328.632.528
+ Trích quỹ dự phòng tài chính	-	328.632.528
+ Trích quỹ KTQL, quỹ khen thưởng Ban điều hành	1.079.086.954	985.897.586
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ</b>	<b>4.820.350.561</b>	<b>5.697.350.561</b>

(\*) Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2014 theo Nghị Quyết đại hội đồng cổ đông số 27/2015/NQ-ĐHCD ngày 15/01/2015.

(\*\*) Công ty tạm phân phối lợi nhuận năm 2015 theo Nghị Quyết HĐQT số 08b/2015/NQ-HĐQT ngày 14/12/2015 của hội đồng quản trị. Theo Nghị quyết, Công ty chốt danh sách cổ đông là 15/01/2016 để chia cổ tức năm 2015 với tỷ lệ 10%.

### 21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2015	Năm 2014
Doanh thu sách giáo khoa	276.149.940.640	259.598.586.397
Doanh thu sách tham khảo	40.578.433.217	42.091.773.896
Doanh thu khác	10.993.111.737	12.351.124.736
<b>Cộng</b>	<b>327.721.485.594</b>	<b>314.041.485.029</b>

### 22. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2015	Năm 2014
Hàng bán bị trả lại	1.137.089.998	867.764.639
<b>Cộng</b>	<b>1.137.089.998</b>	<b>867.764.639</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 23. Giá vốn hàng bán

	Năm 2015	Năm 2014
Giá vốn Sách giáo khoa	258.712.115.052	244.391.115.482
Giá vốn Sách tham khảo	23.418.513.056	26.115.708.002
Giá vốn hoạt động khác	9.710.900.312	10.414.719.285
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(748.720.488)	(155.548.030)
<b>Cộng</b>	<b>291.092.807.932</b>	<b>280.765.994.739</b>

### 24. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2015	Năm 2014
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.316.187.870	1.207.199.954
Cổ tức, lợi nhuận được chia	686.486.059	58.377.500
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	-	1.244.866.528
<b>Cộng</b>	<b>2.002.673.929</b>	<b>2.510.443.982</b>

### 25. Chi phí tài chính

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí lãi vay	344.805.022	2.133.333
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	585.004.612	760.178.705
Dự phòng giảm giá CKKD và tổn thất đầu tư	-	(74.063.452)
<b>Cộng</b>	<b>929.809.634</b>	<b>688.248.586</b>

### 26. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

#### a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm

	Năm 2015	Năm 2014
Chi hoa hồng môi giới	1.512.363.998	830.126.856
Tiền lương nhân viên bán hàng	7.337.675.911	5.285.234.655
Chi phí vận chuyển sách	3.562.938.693	4.106.033.878
Các khoản khác	2.943.557.879	4.259.606.514
<b>Cộng</b>	<b>15.356.536.481</b>	<b>14.481.001.903</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm

	Năm 2015	Năm 2014
Tiền lương	4.499.507.458	5.797.980.046
Chi phí tiếp khách, hội nghị, khánh tiết	2.598.292.084	1.753.713.607
Chi phí đi công tác	410.214.368	1.258.920.874
Các khoản khác	5.460.258.446	4.224.310.012
<b>Cộng</b>	<b>12.968.272.356</b>	<b>13.034.924.539</b>

### 27. Thu nhập khác

	Năm 2015	Năm 2014
Thu nhập từ vận chuyển hàng hóa	16.150.150	617.043.735
Thu nhập từ bốc xếp hàng hóa, gia công cắt rọc	990.916.421	1.248.195.258
Thu nhập từ bán công cụ dụng cụ	-	309.652.360
Thu nhập từ thanh lý vật tư, hàng hóa	8.019.545	191.516.028
Thu nhập khác	177.086.953	17.500.000
<b>Cộng</b>	<b>1.192.173.069</b>	<b>2.457.923.563</b>

### 28. Chi phí khác

	Năm 2015	Năm 2014
Giá vốn vật tư thanh lý	-	186.319.014
Chi phí bốc xếp hàng hóa, gia công cắt rọc	208.107.777	243.415.142
Chi phí khác	19.834	3.400.000
<b>Cộng</b>	<b>208.127.611</b>	<b>433.134.156</b>

### 29. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2015	Năm 2014
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.223.688.580	8.738.784.012
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	2.563.938	693.516.941
- Điều chỉnh tăng	689.049.997	751.894.441
+ Chi phí không hợp lệ	689.049.997	751.894.441
- Điều chỉnh giảm	686.486.059	58.377.500
+ Cổ tức lợi nhuận được chia	686.486.059	58.377.500
Tổng thu nhập chịu thuế	9.226.252.518	9.432.300.953
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>2.029.775.554</b>	<b>2.075.106.210</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 30. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2015	Năm 2014
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.193.913.026	6.663.677.802
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(1.079.086.954)	(985.897.586)
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	1.079.086.954	985.897.586
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.114.826.072	5.677.780.216
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	4.385.000	4.389.493
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.394</b>	<b>1.293</b>

### 31. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.647.395.454	6.781.343.499
Chi phí nhân công	12.770.863.593	11.899.972.750
Chi phí khấu hao tài sản cố định	302.850.683	432.042.827
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.757.674.273	19.915.470.700
Chi phí khác bằng tiền	6.708.717.267	5.776.019.694
<b>Cộng</b>	<b>43.187.501.270</b>	<b>44.804.849.470</b>

### 32. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là xuất bản, kinh doanh sách và thiết bị giáo dục và bộ phận địa lý chính là nước Việt Nam.

### 33. Quản lý rủi ro

#### Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

#### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**Quản lý rủi ro thị trường:** Do không có giao dịch và số dư ngoại tệ, hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

### Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Tuy nhiên, trong năm Công ty chỉ phát sinh các khoản vay ngắn hạn với lãi suất ổn định nên Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ở mức thấp.

### Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa, nguyên liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc biến động giá. Tuy nhiên, nhà cung cấp là các Công ty thành viên của Nhà xuất bản (chủ yếu là Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh), hơn nữa đặc thù của lĩnh vực giáo dục là giá mua vào ổn định, ít biến động. Do đó, Công ty cho rằng rủi ro về giá hàng hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

### Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty tương đối rộng, trải dài khắp cả nước. Tuy nhiên, các khách hàng chủ yếu là các đơn vị thành viên Nhà xuất bản và các khách hàng có mối quan hệ kinh doanh lâu dài. Bên cạnh đó, khả năng thu hồi nợ của Công ty là tương đối tốt, do đó Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

### Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	21.005.948.390	-	21.005.948.390
Chi phí phải trả	1.349.343.121	-	1.349.343.121
Phải trả khác	841.234.449	-	841.234.449
<b>Cộng</b>	<b>23.196.525.960</b>	<b>-</b>	<b>23.196.525.960</b>
01/01/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	9.941.821.513	-	9.941.821.513
Chi phí phải trả	1.920.684.992	-	1.920.684.992
Vay và nợ thuê tài chính	1.000.000.000	-	1.000.000.000
Phải trả khác	459.829.209	-	459.829.209
<b>Cộng</b>	<b>13.322.335.714</b>	<b>-</b>	<b>13.322.335.714</b>

Ban Tổng giám đốc cho rằng Công ty không có rủi ro thanh khoản và có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31/12/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.622.914.699	-	19.622.914.699
Phải thu khách hàng	11.728.395.684	-	11.728.395.684
Phải thu về cho vay	1.000.000.000	-	1.000.000.000
Phải thu khác	444.433.213	16.609.913.266	17.054.346.479
<b>Cộng</b>	<b>32.795.743.596</b>	<b>16.609.913.266</b>	<b>49.405.656.862</b>
01/01/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.360.629.326	-	4.360.629.326
Phải thu khách hàng	10.212.389.502	-	10.212.389.502
Phải thu về cho vay	12.173.452.921	-	12.173.452.921
Phải thu khác	806.270.786	16.973.839.440	17.780.110.226
<b>Cộng</b>	<b>27.552.742.535</b>	<b>16.973.839.440</b>	<b>44.526.581.975</b>

### 34. Thông tin về các bên liên quan

#### a. Các bên liên quan

	Mối quan hệ
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty CP Đầu tư Tài chính Thiên Hóa	Chung công ty đầu tư
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Học liệu EMCO	Chung công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Đơn vị phụ thuộc của Cty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBTH Bình Thuận	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Bình Dương	Công ty liên kết
Công ty CP Sách và TBTH TP. Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục Phương Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Mỹ thuật Sao Mai	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBGD Miền Bắc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBGD Miền Trung	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBGD Cửu Long	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBTH Bến Tre	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Mỹ thuật và Truyền thông	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBTH Bà Rịa - Vũng Tàu	Công ty liên kết

1001  
CÔ  
T.N  
TOÁN  
44

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm

	Giao dịch	Năm 2015	Năm 2014
<b>Mua hàng</b>			
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	Mua hàng	1.122.659.500	34.776.100
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Mua hàng	247.214.743.066	221.870.391.341
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Mua hàng	120.750.000	117.309.600
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	Mua hàng	223.831.560	453.119.800
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Mua hàng	174.234.020	270.925.940
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	Mua hàng	2.518.601.762	2.227.599.844
Công ty CP Sách và TBTH TP. Hồ Chí Minh	Mua hàng	6.297.268.318	8.050.020.286
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục Phương Nam	Mua hàng	3.231.229.679	2.407.681.790
Công ty CP Sách Dân tộc	Mua hàng	10.977.330	31.200.000
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục Hà Nội	Mua hàng	1.369.901.000	599.785.140
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Mua hàng	2.787.346.859	2.136.777.310
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Mua hàng	32.641.258	34.480.595
Công ty CP Sách TBGD Miền Bắc	Mua hàng	260.925.883	1.724.681.480
Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2	Mua hàng	3.640.999	700.788.599
<b>Bán hàng</b>			
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	Bán hàng	2.942.645.963	1.141.628.722
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Bán hàng	896.124.863	1.244.866.528
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Bán hàng	5.099.058.165	4.342.323.460
Công ty CP Sách và TBTH Bình Thuận	Bán hàng	12.835.376.047	12.260.588.056
Công ty CP Sách và TBGD Bình Dương	Bán hàng	23.030.820.330	14.697.389.211
Công ty CP Sách và TBTH TP. Hồ Chí Minh	Bán hàng	47.795.398.984	45.204.248.422
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục Phương Nam	Bán hàng	12.566.507.370	10.154.572.414
Công ty CP Học liệu	Bán hàng	2.774.502.167	2.416.097.784
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	Bán hàng	760.821.600	596.311.520
Công ty CP Sách TBGD Miền Bắc	Bán hàng	1.062.215.957	4.402.793.229
Công ty CP Sách TBGD Miền Trung	Bán hàng	1.244.402.987	790.514.425
Công ty CP Sách TBGD Cửu Long	Bán hàng	1.049.114.064	1.352.639.314
Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2	Bán hàng	9.530.500.584	5.825.108.370
Công ty CP Sách TBTH Bến Tre	Bán hàng	8.886.238.397	8.601.773.739
Công ty CP Sách TB-TH Bà Rịa - Vũng Tàu	Bán hàng	7.232.802.471	10.134.430.144
Công ty CP Sách TBTH Tiền Giang	Bán hàng	12.473.152.484	12.477.442.190
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>			
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cho vay ngắn hạn	10.000.000.000	15.000.000.000
	Thu hồi tiền cho vay	22.143.452.921	2.856.547.079
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cho vay ngắn hạn	1.000.000.000	1.000.000.000
	Thu hồi tiền cho vay	-	1.000.000.000



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 35. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Công ty đã có thông báo về chốt danh sách cổ đông để tạm ứng cổ tức bằng tiền năm 2015 là 10%, theo đó ngày chốt quyền nhận cổ tức là 15/01/2016. Ngoài ra, không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

### 36. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán bởi AAC. Một số chỉ tiêu so sánh đã được điều chỉnh như sau:

Bảng cân đối kế toán	Mã số	Số liệu tại ngày	Số liệu tại ngày	Chênh lệch VND	Ghi chú
		01/01/2015 VND	01/01/2015 (Sau điều chỉnh) VND		
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	12.173.452.921	-	(12.173.452.921)	(2)
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	-	12.173.452.921	12.173.452.921	(2)
Các khoản phải thu khác	136	805.612.268	826.270.786	20.658.518	(2)
Tài sản ngắn hạn khác	155	20.658.518	-	(20.658.518)	(2)
Phải thu dài hạn khác	216	-	16.973.839.440	16.973.839.440	(2)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	16.883.839.440	-	(16.883.839.440)	(2)
Tài sản dài hạn khác	268	90.000.000	-	(90.000.000)	(2)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	681.439.694	707.114.046	25.674.352	(1)
Chi phí phải trả ngắn hạn	316	2.037.386.590	1.920.684.992	(116.701.598)	(1)
Quỹ đầu tư phát triển	418	3.451.652.455	5.320.112.782	1.868.460.327	(2)
Quỹ dự phòng tài chính		1.868.460.327	-	(1.868.460.327)	(2)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	5.606.323.315	5.697.350.561	91.027.246	(1)
		<b>Năm 2014</b>	<b>Năm 2014</b>		
	<b>Mã số</b>	<b>VND</b>	<b>(Sau điều chỉnh) VND</b>	<b>Chênh lệch VND</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>					
Giá vốn hàng bán	11	280.882.696.337	280.765.994.739	(116.701.598)	(1)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	8.622.082.414	8.738.784.012	116.701.598	(1)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	2.049.431.858	2.075.106.210	25.674.352	(1)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	6.572.650.556	6.663.677.802	91.027.246	(1)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.497	1.293	(204)	(1);(2)

(1) Điều chỉnh hồi tố theo biên bản kiểm toán nhà nước năm 2014 ngày 04/09/2015: Điều chỉnh giảm số trích trước vào chi phí về nhuận bút, phí bản thảo, lệ phí xuất bản vượt quy định 116.701.598 đồng. Theo đó, chỉ tiêu “Chi phí phải trả ngắn hạn” và “Giá vốn hàng bán” cùng giảm một khoản tương ứng. Ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố này làm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2014 tăng 25.674.352 đồng, theo đó, khoản mục “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước” cũng tăng tương ứng. Ngoài ra, một số chỉ tiêu khác có liên quan cũng được điều chỉnh theo.

TOÁN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

(2) Một số chỉ tiêu so sánh trên Báo cáo tài chính đã được phân loại lại nhằm đảm bảo tính chất so sánh với các số liệu năm nay, phù hợp với quy định về lập Báo cáo tài chính tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.



TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2016

**Kế toán trưởng**

**Nguyễn Mai Hoa**

**Người lập biểu**

**Nguyễn Thanh Hữu**